

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước và thẩm định, nghiệm thu kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục và Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất của Công ty cổ phần đầu tư nông nghiệp TP Việt Nam ngày 15/01/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 257/TTr-STNMT ngày 28/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần đầu tư nông nghiệp TP Việt Nam (địa chỉ tại Thôn Poọng, xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa) được khai thác nước dưới đất với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Giếng khoan khai thác nước dưới đất tại Trang trại chăn nuôi lợn nái sinh sản chất lượng cao, xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

2. Mục đích khai thác: Phục vụ hoạt động chăn nuôi lợn tại Trang trại chăn nuôi lợn nái sinh sản chất lượng cao, xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

3. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Trong khu đất của Công ty, tại thôn Poọng, xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận số DO 610673 ngày 02/5/2024).

4. Tầng chứa nước khai thác: Hệ tầng Đồng Trâu dưới ($T_2ađt_1$).

5. Tổng số giếng khai thác: 03 giếng khoan.

6. Tổng lưu lượng nước khai thác: 450 m³/ngày đêm.

7. Thời hạn của giấy phép: 05 năm.

8. Chế độ khai thác: 365 ngày/năm.

9. Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)		Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y	Từ	Đến		
LK1	2215051	525206	55	70	45,6	$T_1ađt_1$
LK2	2214999	525300	55	70	45,6	$T_1ađt_1$
LK3	2215113	525316	55	70	45,6	$T_1ađt_1$

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần đầu tư nông nghiệp TP Việt Nam:

1. Tuân thủ đúng các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này; trường hợp có thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý về tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Tài nguyên nước.

5. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01), báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND huyện Lang Chánh kết quả thực hiện các yêu cầu tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của Giấy phép này vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Công ty cổ phần đầu tư nông nghiệp TP Việt Nam được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2025. Chậm nhất 45 ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần đầu tư nông nghiệp TP Việt Nam còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công ty CP đầu tư NN TP Việt Nam;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục Thuế khu vực X;
- UBND huyện Lang Chánh;
- Lưu: VT, NNMT, TTPVHCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

(Sơ đồ kèm theo Giấy phép khai thác nước dưới đất số...../GP-UBND ngày...../...../2025 của UBND tỉnh)

STT	BẢNG KÝ HIỆU CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	KÝ HIỆU
1	Công vào	1
2	Nhà bảo vệ, bếp nấu ăn, sát trùng vòng 1	2
3	Nhà để xe	3
4	Nhà để máy phát điện	4
5	Nhà cách ly, công nhân, phòng ăn, sát trùng vòng 2	5
6	Nhà nghỉ giữa ca	6
7	Sân bóng chuyền	7
8	Nhà ăn ca, sát trùng vòng 3	8
9	Nhà kho	9
10	Bể dự trữ nước trước xử lý	10
11	Trạm xử lý nước, kho hóa chất	11
12	Bể chứa nước sau xử lý	12
13	Tháp nước	13
14	Nhà nghỉ công nhân khu cách ly	14
15	Chường phát triển hậu bị	15
16	Chường lơn phối	16
17	Chường lơn mưng thai	17
18	Chường lơn nuôi đẻ	18
19	Nhà xuất lơn con	19
20	Nhà nhập hậu bị và xuất lơn loại	20
21	Bể gom, điều tiết nước thải	21
22	Nhà tách lọc phân và nước thải	22
23	Nhà xử lý xác lơn	23
24	Biogas	24
25	Bể xử lý vi sinh	25
26	Nhà điều hành trạm xử lý	26
27	Hồ sinh học 1	27
28	Hồ sinh học 2	28
29	Đê silo cám	29

SƠ ĐỒ KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CƠ SỞ: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN NÁI SINH SẢN CHẤT LƯỢNG CAO.

ĐỊA ĐIỂM: XÃ GIAO THIÊN, HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HOÁ

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NÔNG NGHIỆP TP VIỆT NAM



BẢNG TOA ĐỘ KHU VỰC THẨM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

KÝ HIỆU	HỆ TOA ĐỘ VN2000		KÝ HIỆU	HỆ TOA ĐỘ VN2000	
	TOA ĐỘ X(m)	TOA ĐỘ Y(m)		TOA ĐỘ X(m)	TOA ĐỘ Y(m)
M1	2215114,413	525322,989	M34	2214751,833	525096,299
M2	2215074,493	525327,579	M35	2214754,253	525061,859
M3	2215046,473	525328,839	M36	2214757,323	525023,139
M4	2215020,953	525329,099	M37	2214791,603	525006,259
M5	2215000,153	525329,279	M38	2214810,303	525013,239
M6	2214982,273	525326,749	M39	2214834,573	525012,929
M7	2214963,905	525324,279	M40	2214889,513	525001,339
M8	2214964,243	525328,149	M41	2214964,803	524982,439
M9	2214979,263	525352,709	M42	2214977,973	525025,069
M10	2214993,643	525375,889	M43	2214991,723	525076,119
M11	2215002,463	525393,739	M44	2214990,133	525088,569
M12	2214962,143	525408,859	M45	2214994,693	525101,609
M13	2214952,663	525410,569	M46	2215012,213	525116,969
M14	2214947,683	525410,309	M47	2215031,283	525124,609
M15	2214937,773	525405,229	M48	2215035,923	525133,739
M16	2214913,083	525397,069	M49	2215038,393	525144,659
M17	2214901,913	525388,219	M50	2215036,463	525152,249
M18	2214881,833	525370,409	M51	2215020,023	525170,949
M19	2214840,803	525346,149	M52	2215021,683	525200,509
M20	2214801,873	525320,389	M53	2215014,823	525260,419
M21	2214774,533	525306,059	M54	2215021,543	525264,059
M22	2214788,433	525296,429	M55	2215027,953	525267,489
M23	2214796,013	525282,339	M56	2215039,343	525269,539
M24	2214795,113	525274,709	M57	2215045,423	525270,759
M25	2214792,863	525266,569	M58	2215047,593	525278,099
M26	2214788,723	525259,989	M59	2215050,843	525288,438
M27	2214784,003	525247,039	M60	2215049,443	525299,379
M28	2214781,513	525233,959	M61	2215066,333	525296,919
M29	2214780,573	525213,939	M62	2215080,263	525294,559
M30	2214781,833	525196,629	M63	2215094,653	525287,639
M31	2214780,853	525178,369	M64	2215107,513	525287,819
M32	2214764,173	525144,569	M65	2215120,863	525294,859
M33	2214750,673	525110,519	M66	2215118,543	525312,629